

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHƯỚC,
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 124/2023/HNGĐ-ST
Ngày 08-5-2023
V/v không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lê Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Đình Phương.
- Ông Nguyễn Văn Sang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2023, về việc không công nhận quan hệ vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; có mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn Đ; địa chỉ: 09 B, phường H, thành phố Q, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31 tháng 10 năm 2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị P trình bày: Chị và anh Trần Văn T quen biết rồi về sống chung với nhau mà không tiến hành đăng ký kết hôn. Trong thời gian sống chung, vợ chồng chị sinh được 02 người con và mua đất của cậu chị rồi xây nhà làm chỗ ở. Thời gian sống chung, giữa chị và anh T có nhiều bất đồng, thường hay cãi vã, xúc phạm nhau. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết không công

nhận chị và anh T là vợ chồng.

Về con chung: Chị và anh T có hai con chung nhưng khi khai sinh do không có đăng ký kết hôn nên phần tên cha chị không khai tên của anh T. Nay anh T cho rằng không phải con của anh nên chị không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản khai ngày 13 tháng 3 năm 2023 anh Trần Văn T trình bày: Anh thống nhất về quá trình đi đến hôn nhân, tình trạng hôn nhân và con chung như chị Nguyễn Thị P trình bày. Nay anh thống nhất không công nhận anh và chị P là vợ chồng.

Về con chung: Anh và chị P không có con chung. Thời gian sống chung, chị P có sinh con nhưng khi khai sinh chị không khai sinh tên anh vào tên cha nên anh xác định không phải là con của anh.

Về tài sản chung: Thời gian sống chung, chị và anh T có mua của cậu chị 01 thửa đất tại thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. Sau đó xây nhà trên đất. Giá trị nhà đất khoảng 300.000.000 đồng. Anh yêu cầu chia đôi.

Về nợ chung: Anh và chị P có nợ của chú anh là ông Trần Văn Đ 58.000.000 đồng. Nay anh yêu cầu chị P cùng trả nợ cho ông Đ.

Theo biên bản ghi lời khai ngày 14 tháng 3 năm 2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn Đ trình bày: Chị Nguyễn Thị P, anh Trần Văn T có nợ của ông số tiền 58.000.000 đồng. Ông yêu cầu trả số nợ này cho ông.

Tại phiên Toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án tiến hành thu thập đầy đủ các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh T đang cư trú tại thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

[2] Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Trần Văn T và ông Trần Văn Đ vẫn vắng mặt

không có lý do. Do đó, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh T, ông Đ.

[3] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P và anh Trần Văn T sống chung như vợ chồng từ năm 2005 nhưng không tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định. Do chị P và anh T chưa đăng ký kết hôn, hôn nhân chưa được pháp luật công nhận nên theo quy định của pháp luật, Tòa án không thể hàn gắn quan hệ hôn nhân này. Việc chị P, anh T yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng là phù hợp. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận chị Nguyễn Thị P và anh Trần Văn T là vợ chồng.

[4] Về quan hệ con chung: Trong thời gian chị P và anh T sống chung chị P có sinh 02 cháu là Nguyễn Văn Q, sinh ngày 11 tháng 11 năm 2006 và Nguyễn Thành T1, sinh ngày 12 tháng 4 năm 2011. Tuy nhiên, theo giấy khai sinh, cháu T1 và cháu Q không có cha. Chị P và anh T cũng không tranh chấp gì về xác định quan hệ cha con. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét về quan hệ con chung.

[5] Về tài sản chung và nợ: Anh Trần Văn T cho rằng thời gian sống chung anh và chị P có tạo lập được nhà đất tại thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định và yêu cầu chia nhà đất này. Ngoài ra anh T và ông Trần Văn Đ thống nhất chị P, anh T có nợ của ông Đ 58.000.000 đồng và yêu cầu chị P, anh T cùng trả. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho cả anh T và ông Đ nhưng quá thời hạn được thông báo không ai nộp Biên lai chứng minh đã nộp tiền tạm ứng án phí cho Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 192, Điều 202 của Bộ luật tố tụng dân sự, không xem xét yêu cầu của anh T và ông Đ.

[6] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 192, Điều 202, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị P và anh Trần Văn T là vợ chồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí mà chị P đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001403 ngày 03 tháng 02 năm 2023 của Chi cục thi thành án dân sự huyện Tuy Phước, tỉnh

Bình Định.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Tuy Phước;
- CC THADS huyện Tuy Phước;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Lệ Quyên